

Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-12-2018

*"V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Bảo Huyền Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và ông Phạm Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 397/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Thông báo số: 397/TB-TA ngày 12 tháng 11 năm 2018 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa số: 397/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị Hoàng L** - Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số A đường B, tổ C, phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Lư Minh T** - Sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số B đường C, tổ D, phường E, quận F, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 8 năm 2018 và tại phiên họp hòa giải các ngày 18 tháng 9 năm 2018 nguyên đơn bà Trương Thị Hoàng L trình bày:

Tôi và chồng là ông Lư Minh T sau thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình, chúng tôi đã đăng ký kết hôn vào ngày 19/5/2009 tại Ủy ban

nhân dân phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không giải quyết được. Từ năm 2013, vợ chồng chúng tôi không còn chung sống với nhau, đến năm 2014 tôi đã khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông T nhưng vì muốn hàn gắn gia đình nên vợ chồng đã đoàn tụ. Tuy nhiên, giữa chúng tôi vẫn không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau, phần ai nấy sống. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T.

Về con chung, tôi xác định có 02 con chung là Lư Quách Minh Th - Sinh ngày: 17/7/2009 và Lư Minh Ph - Sinh ngày: 27/5/2013. Từ khi vợ chồng không sống chung với nhau thì tôi trực tiếp chăm sóc con Lư Minh Ph, ông T chăm sóc con Lư Quách Minh Th. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Lư Quách Minh Th mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung, tôi xác định không có.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2018 và biên bản hòa giải ngày 12 tháng 10 năm 2018, nguyên đơn bà Trương Thị Hoàng L sửa đổi yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con chung, bà L yêu cầu được trực tiếp được nuôi dưỡng con chung Lư Minh Ph, giao con chung Lư Quách Minh Th cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như nêu trên.

Theo bản tự khai viết ngày 18 tháng 9 năm 2018, các phiên họp hòa giải ngày 18 tháng 9 năm 2018 và ngày 12 tháng 10 năm 2018 bị đơn ông Lư Minh T trình bày:

Tôi xác nhận lời trình bày của vợ tôi bà Trương Thị Hoàng L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Giữa vợ chồng chúng tôi có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp trong lối sống, cách suy nghĩ nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chúng tôi đã không sống chung từ năm 2013 cho đến nay. Nay bà L khởi kiện yêu cầu được ly hôn thì tôi cũng đồng ý vì hôn nhân không thể hàn gắn được nữa.

Về con chung, tôi xác định có 02 con chung là Lư Quách Minh Th - Sinh ngày: 17/7/2009 và Lư Minh Ph - Sinh ngày: 27/5/2013. Tuy nhiên khi ly hôn, tôi yêu cầu một trong hai bên nếu muốn nuôi con phải chứng minh có đủ điều kiện nuôi con, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của các con thì được quyền nuôi cả hai con chung mà không phải yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng.

Theo đó, điều kiện chứng minh để nuôi con gồm: Nơi sinh hoạt và nơi cư trú của các con, mức thu nhập hiện tại (có xác nhận của cơ quan), thời gian chăm sóc con cái.

Về tài sản chung và nợ chung, chúng tôi không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vẫn vắng mặt lần hai đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của bà Trương Thị Hoàng L về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn ông Lư Minh T nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về nội dung:* Bà Trương Thị Hoàng L và ông Lư Minh T đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 5 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp.

Nguyên đơn cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, cách suy nghĩ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến đến cuộc sống không hạnh phúc. Vì thế, vào tháng 12 năm 2014, nguyên đơn đã khởi kiện để yêu cầu ly hôn đối với bị đơn

nhưng vì mong muốn hàn gắn gia đình nên hai bên thống nhất đoàn tụ gia đình nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Bị đơn cũng thống nhất với nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng.

Xét thấy việc mâu thuẫn tồn tại trong đời sống vợ chồng của các đương sự là có thật, phù hợp với xác minh tại địa phương cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn vào năm 2015 nhưng sau đó các bên thống nhất đoàn tụ, trên thực tế hai vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2013. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án cho ly hôn và trong các phiên họp hòa giải bị đơn cũng đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Các đương sự cùng thống nhất trong quá trình chung sống sinh được 02 con chung là Lư Quách Minh Th - Sinh ngày: 17/7/2009 và Lư Minh Ph - Sinh ngày: 27/5/2013. Nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lư Minh Ph, giao con chung Lư Quách Minh Th cho bị đơn ông Lư Minh T nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào nhưng ông T không đồng ý.

Xét thấy, hai bên đương sự không sống chung với nhau kể từ năm 2013 cho đến nay, trong thời gian đó, nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lư Minh Ph, còn bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lư Quách Minh Th và các con chung vẫn phát triển khỏe mạnh, bình thường như bao trẻ em khác cùng độ tuổi, điều này thể hiện các bên đương sự đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do đó, nhằm đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt, học tập, tạo điều kiện cho sự phát triển bình thường của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự thống nhất trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

[6] *Về án phí*: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hoàng L đối với ông Lư Minh T về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*".

- Cho bà Trương Thị Hoàng L được ly hôn ông Lư Minh T.

- Giao con chung tên: Lư Minh Ph - sinh ngày: 27/5/2013 cho bà Trương Thị Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên: Lư Quách Minh Th - sinh ngày: 17/7/2009 cho ông Lư Minh T trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Bà Trương Thị Hoàng L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0004067 ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; như vậy, bà L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/12/2018). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường **Thanh Khê Đông**;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Bảo Huyền Trân

